

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 03 - 2020
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Nhiếp;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh N, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Đăng K, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Huỳnh N trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà N và ông Phạm Đăng K kết hôn trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân được tổ chức theo phong tục, tập quán địa phương vào ngày 29/4/2014. Đến ngày 05/8/2015 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống vợ, chồng không hòa hợp, hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Vợ chồng ly thân khoảng 01 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Phạm Đăng K.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Phạm Lê Huyền T, sinh ngày 05/6/2015 (nữ), hiện nay đang sống với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có.

Tại Bản tự khai ghi ngày 02 tháng 3 năm 2020, bà N cho rằng hôn nhân của bà và ông K có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm và kết hôn trên tinh thần tự nguyện; lý do ly hôn vì vợ chồng bất đồng quan điểm, ông K không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay; Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Phạm Đăng K:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông K không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà N yêu cầu ly hôn, nuôi con, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử Nng ông K vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa: Bà Lê Huỳnh N và ông Phạm Đăng K vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Huỳnh N yêu cầu ly hôn với ông Phạm Đăng K, yêu cầu nuôi con; về tài sản chung và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét tranh chấp giữa bà N và ông K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Huỳnh N có đơn xin vắng phiên xét xử đề ngày 02/3/2020 vì bận công việc, gia đình neo đơn và phải chăm sóc con nhỏ, yêu cầu này của bà N là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Phạm Đăng K đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm Nng đều vắng mặt 02 lần không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Đăng K.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Lê Huỳnh N và ông Phạm Đăng K có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2014, hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2015 ngày 05 tháng 8 năm 2015. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Lê Huỳnh N và ông Phạm Đăng K được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà N và ông K phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do ông K không có trách nhiệm với vợ, con. Bà N xác định hôn nhân tiếp tục duy trì không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Đăng K. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông K không có thiện chí hàn gắn hôn nhân, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông K không tham gia để hàn gắn hôn nhân, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Huỳnh N đối với ông Phạm Đăng K theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Phạm Lê Huyền T, sinh ngày 05/6/2015 (nữ), hiện nay đang sống với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy yêu cầu nuôi con của bà N là chính đáng, trong thời gian bà N và ông K ly thân thì cháu T sống với bà, đời sống của cháu được ổn định, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu Phạm Lê Huyền T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Lê Huỳnh N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Huỳnh N và ông Phạm Đăng K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Lê Huyền T, sinh ngày 05/6/2015 (nữ) cho bà Lê Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006947 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền